TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2018/DS-PT**

Ngày: 10-9-2018

V/v: Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm hại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hoa

Các Thẩm phán: Ông Hà Quang Huy

Ông Hoàng Hữu Truyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Loan – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Kạn

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Đổi - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, Toà án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2018/TLPT-DS ngày 02 tháng 7 năm 2018 về Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm hại.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2018/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Đ; Địa chỉ: thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Phương B – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Triệu Ứng M; Địa chỉ: thôn P1, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ma Thị H; Địa chỉ: thôn P1, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt

4. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/12/2017, Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 05/01/2018, các biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn Hoàng Đ trình bày:

Ông Hoàng Đ có một khu vườn rừng tại P2, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn được cấp Sổ lâm bạ số 5 ngày 25/9/1986 mang tên Hoàng Văn Đ. Từ khi được cấp sổ đến năm 2009 gia đình ông vẫn sử dụng, quản lý liên tục và trồng mới các loại cây lấy gỗ và cây ăn quả như dổi, dẻ, trám trắng, trám đen…không có tranh chấp xảy ra, đến năm 2009 thì có hộ ông Ma Doãn Đ1 và bà Ma Thị H đến tranh chấp. Ngày 03/11/2010 chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn đã ban hành quyết định giải quyết tranh chấp số 1590, trong đó nêu rõ giao đất và tài sản trên đất cho gia đình ông Đ sử dụng. Đến ngày 30/8/2016 chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn ban hành Quyết định số 1746 về việc thu hồi Quyết định số 1590 vì lý do *"Việc tranh chấp đất đai mà các đương sự có giấy chứng nhận hoặc có một trong các loại giấy tờ theo quy định và tranh chấp về tài sản gắn liền với đất thì do Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật*.". Tháng 4 năm 2017 Triệu Ứng M đến khu vườn rừng trên của gia đình ông chặt gỗ bồ đề đem bán với khối lượng 2,5m^3 với số tiền là 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), sự việc trên đã được chính quyền lập biên bản và hòa giải nhưng không thành. Nay ông yêu cầu anh Triệu Ứng M phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Trong bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Triệu Ứng M trình bày:

Khu đất hiện nay ông Hoàng Đ đang tranh chấp với gia đình anh có nguồn gốc: những năm 1966-1967 mẹ anh là bà Ma Thị H đã phát tại khu đồi P2 trồng lúa nương, sắn. Từ thời điểm khai phá đến nay gia đình anh vẫn sử dụng liên tục, hiện nay do mẹ anh già yếu nên anh quản lý và sử dụng. Khu đất trên gia đình anh chưa được nhà nước cấp giấy tờ gì do có tranh chấp với ông Hoàng Đ. Tháng 4/2017 anh khai thác gỗ bồ đề trên đất thì ông Hoàng Đ tranh chấp số gỗ trên. Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu anh bồi thường 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) anh không đồng ý, vì cây do anh trồng trên đất nhà anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ma Thị H trình bày:

Vào khoảng năm 1966-1967 bà đã phát khu đất ở đồi P2 để làm rẫy trồng lúa nương, trồng sắn và gia đình bà quản lý sử dụng từ đó đến nay. Tháng 4/2017 con trai bà là anh Triệu Ứng M khai thác gỗ bồ đề trên khu đất thì ông Hoàng Đ chặn lại và tranh chấp số gỗ con trai bà khai thác. Ông Đ yêu cầu anh M bồi thường bà không đồng ý vì đất của gia đình bà và cây do con trai bà trồng.

Bản án số 04/2018/DS-ST ngày 24/5/2018 của Toà án nhân dân huyện C áp dụng khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuyên xử:

- Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Hoàng Đ về yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản bị xâm hại.

- Ngoài ra án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Bản án sơ thẩm các đương sự không kháng cáo.

Tại Quyết định số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn kháng nghị toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C. Đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn có ý kiến: Đồng ý với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn, đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Nguyên đơn có ý kiến: Đồng ý với ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn.

Bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị xét xử vắng mặt

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án và của người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng nghị: Giữ nguyên nội dung kháng nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn, Hội đồng xét xử thấy:

[2] Nguyên đơn cho rằng tháng 4 năm 2017 bị đơn Triệu Ứng M có khai thác gỗ bồ đề ở khu vườn rừng tại P2, khối lượng 2,5m^3, giá trị 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Bị đơn cũng thừa nhận có khai thác gỗ bồ đề tại đồi P2 như nguyên đơn trình bày, về khối lượng, giá trị thành tiền Bị đơn

không phản đối ý kiến của Nguyên đơn. Tại Biên bản sự việc ngày 20/4/2017 của thôn P1 và thôn P, xã Y và Biên bản kiểm tra ngày 27/4/2017 của đại diện Ủy ban nhân dân xã Y xác định có sự việc anh Triệu Ứng M chặt cây gỗ bồ đề tại đồi P2. Xét thấy có căn cứ xác định bị đơn Triệu Ứng M có khai thác gỗ bồ đề tại đồi P2, với khối lượng và giá trị như nguyên đơn trình bày.

[3] Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn bồi thường giá trị 2,5m^3 gỗ bồ đề là 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), vì cho rằng số gỗ bồ đề này do Nguyên đơn vãi hạt cho mọc trên đất đồi của Nguyên đơn. Tuy nhiên, Bị đơn không đồng ý bồi thường số tiền Nguyên đơn yêu cầu vì Bị đơn cho rằng Bị đơn khai thác gỗ do Bị đơn trồng, trên đất của gia đình Bị đơn.

[4] Xét thấy số gỗ bồ đề Bị đơn khai thác trên diện tích đất giữa Nguyên đơn và gia đình bị đơn có tranh chấp xảy ra từ năm 2009 khi gia đình bà Ma Thị H (Bà H là mẹ bị đơn) phát khu đất để trồng rừng theo dự án 147. Tại cấp sơ thẩm ông Đ cho rằng năm 2009 gia đình bà H đã chặt các cây ông trồng như dổi, dẻ, trám trắng, trám đen…Tại đơn đề nghị của ông Đ ngày 15/3/2009 ông cho rằng gia đình bà H chặt cây lát, mỡ, xoan, dổi, dẻ, nhưng tại Biên bản giải quyết đất rừng ngày 07/4/2009 kiểm tra thực tế không thấy gốc và khối lượng cây như trong đơn của ông Đ, mà có khối lượng củi là 0,5ste, đất bà H đã phát xử lý thực bì để trồng rừng. Tại Biên bản hòa giải tranh chấp đất rừng P2 ngày 10/8/2009 của Ủy ban nhân dân xã Y đã " …*Giao khu đất tranh chấp cho bà Ma Thị H tiếp tục được quyền sử dụng*". Không đồng ý, ông Đ có đơn khiếu nại và Ủy ban nhân dân huyện C giải quyết ban hành Quyết định số 1590 ngày 03/11/2010, có nội dung "*Giao cho hộ ông Hoàng Đ quản lý, sử dụng khu đất lâm nghiệp có diện tích 0,5ha tại P2".* Không đồng ý với Quyết định 1590 của UBND huyện C, bà H tiếp tục khiếu nại, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn thụ ký, giải quyết và tại Quyết định số 1746 ngày 30/8/2016 của UBND huyện C có nội dung "*Thu hồi Quyết định 1590 ngày 03/11/2010 của Chủ tịch UBND huyện C".* Đến nay, việc tranh chấp quyền sử dụng đất các bên chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Căn cứ Biên bản giải quyết đất rừng ngày 07/4/2009, lời khai của Nguyên đơn ngày 23/8/2018, lời khai của bị đơn Triệu Ứng M, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ma Thị H, lời khai người làm chứng Nông Văn H, Biên bản kiểm tra thực địa ngày 15/12/2011 của Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi Trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân xã Y và lời thừa nhận của ông Hoàng Đ tại Biên bản làm việc ngày 02/4/2015 có đủ căn cứ khẳng định năm 2009 bà Ma Thị H đã phát dọn thực bì khu đất, bà H và anh M trồng cây mỡ trên toàn bộ diện tích đất tranh chấp và xen kẽ trên đất có cây bồ đề do bà H và anh M chăm sóc, bảo vệ. Việc bà H và anh M có lúc trình bày trồng cây mỡ năm 2010, có lúc trình bày trồng cây mỡ năm 2009 là do nhầm lẫn về thời gian. Ông Hoàng Đ khai trồng cây mỡ năm 2010 và vãi hạt cây bồ đề cho mọc là không có căn cứ. Theo quy định tại Điều 221 Bộ luật dân sự năm

2015 (Điều 233 Bộ luật Dân sự 2005) thì quyền sở hữu được xác lập đối với tài sản trong trường hợp do lao động mà có. Như vậy, cây bồ đề có được do sức lao động của bà H và anh M nên thuộc quyền sở hữu của bà H và anh M, không thuộc quyền sở hữu của ông Hoàng Đ. Do vậy, không phát sinh trách nhiệm bồi thường về tài sản (cây bồ đề) bị xâm hại đối với anh Triệu Ứng M theo quy định 584 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Yêu cầu của ông Hoàng Đ buộc anh Triệu Ứng M bồi thường 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) do anh M chặt cây bồ đề là không có căn cứ chấp nhận. Án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có căn cứ, nhưng nhận định do đất còn tranh chấp nên chưa xác định được quyền sở hữu tài sản trên đất là chưa đầy đủ. Kháng nghị của Viện trưởng Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn là có căn cứ. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm tài liệu chứng cứ được bổ sung có đủ căn cứ để xác định quyền sở hữu đối với tài sản trên đất (cây bồ đề) thuộc về bị đơn, do vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên kháng nghị, Nguyên đơn và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn đồng ý với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là không có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy cần bác kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: khoản 1 Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

[7] - Ông Hoàng Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 05921 ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

[8] - Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 221, Điều 584 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận Quyết định số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

- Không chấp nhận Đơn khởi kiện của ông Hoàng Đ về yêu cầu anh Triệu Ứng M bồi thường thiệt hại về tài sản bị xâm hại 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Án phí

- Ông Hoàng Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 05921 ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

- Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện C;
- VKSND tỉnh BK;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Phòng KTNV TAT;
- Lưu: VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Hoa